

Số: **1590** /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày **15** tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục điều chỉnh nội dung và thời gian thực hiện đề tài,
dự án khoa học công nghệ cấp Bộ giai đoạn 2011-2015**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế Quản lý Đề tài, Dự án Khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục điều chỉnh kinh phí đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 2899/QĐ-BNN-KHCN ngày 29 tháng 10 năm 2010 (*Chi tiết như phụ lục kèm theo*).


Điều 2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức/cá nhân chủ trì thực hiện đề tài theo đúng quy định về quản lý nghiên cứu khoa học công nghệ và quản lý tài chính của Nhà nước..

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

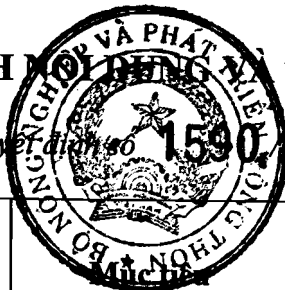


Bùi Bá Bổng

Bùi Bá Bổng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1590/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TT	Tên đề tài	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng KP (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr. đồng)			Số thứ tự trong QĐ 2899/QĐ-BNN-KHCN
						2012	2013	2014	
1.	Nghiên cứu diễn biến lòng dẫn và đề xuất các giải pháp ứng phó cho các công trình chỉnh trị bảo vệ bờ hạ du sông Hồng có xét đến các hồ điều tiết thượng nguồn và khai thác dòng sông ở hạ du.	Trường Đại học Thủy lợi- PGS.TS Lê Văn Hùng	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được xu hướng diễn biến lòng dẫn hạ du sông Hồng và nguyên nhân; - Đề xuất được giải pháp công nghệ để đảm bảo ổn định các công trình chỉnh trị bảo vệ bờ hạ du sông Hồng xét đến diễn biến lòng dẫn và thay đổi chế độ dòng chảy. 	2012-2014	2950	1050	1200	700	Đề tài số 12, phần B
2.	Nghiên cứu cân bằng nước trên	Viện Quy hoạch Thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được tác động của 	2012-2014	2600	1000	1000	600	Đề tài số 14, phần B

Tên đề tài	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng KP (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr. đồng)			Số thứ tự trong QĐ 2899/QĐ-BNN-KHCN
						2012	2013	2014	
lưu vực sông Đồng Nai trong điều kiện biến đổi khí hậu.	lợi Miền Nam - Tổng cục Thủy lợi-ThS. Đỗ Đức Dũng	<p>BĐKH đến nguồn nước và nhu cầu nước giai đoạn 2030, 2050, và 2100 ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp thích ứng (công trình, phi công trình) theo các giai đoạn 2030, 2050 và 2100 nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước và phát triển bền vững lưu vực trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>- Đánh giá được tác động của các phương án chuyển nước trong lưu vực và liên lưu vực.</p>	<p>- Báo cáo đánh giá dòng chảy và nhu cầu sử dụng nước tương ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu.</p> <p>- Báo cáo phương án cân bằng nước trên lưu vực sông ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu.</p> <p>- Bản đồ số về cơ sở dữ liệu số nguồn nước, hạn hán, ngập lụt (tỷ lệ 1/125.000) theo kịch bản biến đổi khí hậu.</p> <p>- Giải pháp thích ứng (công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai đến tài nguyên nước ở các giai đoạn 2030, 2050 và 2100.</p> <p>- Phương án tối ưu sử dụng nước (theo đối tượng, khu vực, các phương án chuyển nước,...) ứng với các kịch bản nguồn nước do biến đổi khí hậu giai đoạn 2030, 2050 và 2100.</p> <p>- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội và môi trường của các phương án chuyển nước trong lưu vực (Phước Hoà chuyển nước từ sông Bé sang sông Sài Gòn và Dầu Tiếng chuyển nước từ sông Sài Gòn sang sông Vàm Cỏ Đông) và liên lưu vực (Đa Nhim chuyển nước từ sông Đa Nhim tỉnh Lâm Đồng sang sông Cái tỉnh Ninh</p>						

TT	Tên đề tài	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng KP (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr. đồng)			Số thứ tự trong QĐ 2899/QĐ-BNN-KHCN
							2012	2013	2014	
				Đại Ninh chuyển nước từ sông Đông Nai tỉnh Lâm Đồng sang sông Luỹ tỉnh Bình Thuận; dự kiến La Ngà 3 chuyển nước từ sông La Ngà tỉnh Bình Thuận sang các sông ven biển tỉnh Bình Thuận và từ Võ Đất sông La Ngà sang sông Ray tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa-Vũng Tàu).						
3.	Nghiên cứu giải pháp tạo nguồn, trữ và cấp nước ngọt phục vụ dân sinh kinh tế cho các đảo Hòn tre (Kiên Giang) và Phú Quý (Bình Thuận).	Viện Kỹ thuật biển - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam- PGS. TS Lương Văn Thanh	Đề xuất được các giải pháp tạo nguồn, trữ và cấp nước ngọt phục vụ dân sinh kinh tế trên các đảo Hòn tre (Kiên Giang) và Phú Quý (Bình Thuận) với các quy mô khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phân tích, đánh giá tiềm năng nguồn và hiện trạng và nhu cầu sử dụng nước ngọt cho dân sinh kinh tế tại hải đảo nước ta; - Giải pháp (về công nghệ, vật liệu, công trình, thiết bị,...) phù hợp để tạo nguồn, trữ và cấp nước ở đảo với các quy mô khác nhau; - Báo cáo quy hoạch khai thác sử dụng nguồn nước mưa, mặt và ngầm; - 02 mô hình (gồm cả thiết kế, xây dựng) để tạo nguồn, trữ và cấp nước sinh hoạt cho cụm dân cư với quy mô 10÷15 hộ, sử dụng công nghệ khác nhau trên 2 đảo: Đảo Hòn Tre - Kiên Giang và Đảo Phú Quý - Bình Thuận; - Dự thảo Hướng dẫn thiết kế, thi công; vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa cho các giải pháp tạo nguồn, trữ và cấp nước. 	2012-2014	2450	800	1200	450	Đề tài số 15, phần B
TỔNG						8000	2850	3400	1750	